TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2026/DS-ST
Ngày: 23-6-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Dung

Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thành Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2026 tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 214/2026/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2026 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2026/QĐXXST-DS ngày 10/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2026/QĐST-DS ngày 18/5/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; địa chỉ: Tòa nhà Ngân hàng -, số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội (Sau đây viết tắt là Ngân hàng);

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V: Ông Nguyễn Văn T - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; địa chỉ: Tòa nhà Ngân hàng -, số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội (Văn bản uỷ quyền số 14512/2025/UQN-PLTH2 ngày 09/12/2025); vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Công ty Cổ phần M (nay là Công ty Cổ phần J); địa chỉ: Tầng A, tòa nhà C, số B phố T, phường Y, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần J: Ông Vũ Văn H - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Công ty Cổ phần J; địa chỉ: Tầng A, tòa nhà C, số B phố T, phường Y, thành phố Hà Nội (Văn bản uỷ quyền số 23912/2025/UQ-XLN JUPITER ngày 09/12/2025); có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Bách T1 sinh năm 1999; số CCCD: 031099005971; địa chỉ: Tổ dân phố C, phường A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/12/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Ngân hàng trình bày:

Giữa Ngân hàng với anh Lê Bách T1 có quan hệ tín dụng. Tại Hợp đồng tín dụng số LN2108304228969 ngày 10/09/2021, cho anh T1 vay số tiền 400.000.000 đồng để thanh toán tiền mua xe ô tô; Hợp đồng cho vay số LD2218501505 ngày 04/07/2022, cho anh T1 vay số tiền 33.00.000 đồng để phục vụ nhu cầu đời sống; lãi suất các khoản vay theo thỏa thuận. Tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô, nhãn hiệu HYUNDAI, BKS: 15A-783.60 do Phòng C công an thành phố H cấp cho anh Lê Bách T1 theo hợp đồng thế chấp số LN2108304228969 ngày 09/9/2021 và thực hiện đăng kí giao dịch bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng trên, anh T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ mặc dù đã được yêu cầu trả nợ nhưng không thực hiện được. Ngày 28/3/2025 Ngân hàng bán cho Công ty Cổ phần M 95% khoản nợ của anh T1 phát sinh từ hai hợp đồng đã kí theo Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER. Tính đến ngày 23/6/2026 anh T1 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 30.133.654 đồng (trong đó: Nợ gốc 17.592.798 đồng, nợ lãi trong hạn 3.365.512 đồng, lãi quá hạn 8.489.333 đồng, lãi chậm trả lãi 686.011 đồng). Số nợ còn lại của hai hợp đồng trên anh T1 có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần M.

Người đại diện cho ty Cổ phần M1 trình bày: Thống nhất với toàn bộ trình bày của người đại diện cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V ở trên. Từ ngày 05/5/2026 Công ty Cổ phần M đã đăng kí thay đổi tên gọi thành Công ty Cổ phần J. Căn cứ vào Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB- JUPITER ngày 28/3/2025 tính đến ngày 23/6/2026 anh T1 còn nợ Công ty Cổ phần J tổng số tiền 572.539.428 đồng (trong đó: Nợ gốc 334.263.153 đồng, nợ lãi trong hạn 63.944.733 đồng, lãi quá hạn 161.297.328 đồng, lãi chậm trả lãi 13.034.214 đồng).

Quan điểm của người đại diện cho nguyên đơn như sau: Buộc anh T1 phải thanh toán cho mỗi bên số tiền tạm tính như trên. Trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì phát mại tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô BKS 15A-783.60 để thu hồi nợ.

Bị đơn Lê Bách T1 đã nhận được giấy triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án trình bày quan điểm.

Về chứng cứ: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp thấy không có thay đổi gì so với thời điểm thế chấp.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; các đương sự khác chưa chấp hành đúng, đầy đủ quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 5, khoản 1 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các điều 85, 97, 147, khoản 1 Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); các điều 105, 117, 119, 298, 299, khoản 2 Điều 450, Điều 365 của Bộ luật Dân sự (BLDS); các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ quy định về đăng ký biện pháp bảo đảm; Điều 8, Điều 9 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành BLDS về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn. Buộc anh Lê Bách T1 phải trả nợ Ngân hàng tính đến ngày 23/6/2026 với tổng số tiền 30.133.654 đồng (trong đó: Nợ gốc 17.592.798 đồng, nợ lãi trong hạn 3.365.512 đồng, lãi quá hạn 8.489.333 đồng, lãi chậm trả lãi 686.011 đồng) phát sinh từ hợp đồng số LN2108304228969 ngày 10/09/2021; Hợp đồng cho vay số LD2218501505 ngày 04/07/2022 và Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER ngày 28/3/2025 (có Phụ lục kèm theo); và trả nợ cho Công ty Cổ phần M (nay là Công ty Cổ phần J) tính đến ngày 23/6/2026 tổng số tiền 572.539.428 đồng (trong đó: Nợ gốc 334.263.153 đồng, nợ lãi trong hạn 63.944.733 đồng, lãi quá hạn 161.297.328 đồng, lãi chậm trả lãi 13.034.214 đồng) phát sinh từ hợp đồng số LN2108304228969 ngày 10/09/2021; Hợp đồng cho vay số LD2218501505 ngày 04/07/2022 và Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER ngày 28/3/2025 (có Phụ lục kèm theo). Trường hợp anh T1 không trả được nợ thì Ngân hàng và Công ty Cổ phần J có quyền yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm là xe ô tô BKS: 15A-783.60 để thu hồi nợ; bị đơn phải chịu án phí tính theo quy định pháp luật; trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Nơi bị đơn cư trú thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng theo điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện, xác định đây là quan hệ Tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng quy định tại Điều 26 của BLTTDS.

[3] Về tố tụng: Anh T1 đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 2 Điều 227 của BLTTDS Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về quan hệ hợp đồng tín dụng: Do anh T1 không đến Tòa án làm việc nên đã vi phạm nghĩa vụ chứng minh. Tòa án căn cứ vào tài liệu do nguyên đơn giao nộp xác định được giữa Ngân hàng với anh T1 có quan hệ tín dụng bởi các hợp đồng tín dụng số LN2108304228969 ngày 10/09/2021; Hợp đồng cho vay số LD2218501505 ngày 04/07/2022 và hợp đồng thế chấp số LN2108304228969 ngày 09/9/2021 có đăng kí giao dich bảo đảm như Ngân hàng đã trình bày là đúng.

Các hợp đồng trên đều được kí kết bởi người có thẩm quyền, đúng quy định về trình tự, thủ tục nên phát hợp pháp.

[5] Về mua bán nợ: Theo Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER ngày 28/3/2025 và Phụ lục kèm theo; Ngân hàng bán cho Công ty Cổ phần M 95% khoản nợ của anh T1 phát sinh từ các Hợp đồng cho vay trên. Xét đối tượng của hợp đồng là quyền đòi nợ bao gồm nợ gốc, lãi, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh từ hợp đồng tín dụng. Tại Điều 105 quy định tài sản bao gồm quyền tài sản. Tại khoản 2 Điều 450 quy định về mua bán quyền tài sản có đề cập đến quyền tài sản là quyền đòi nợ. Như vậy pháp luật cho phép các bên chuyển giao quyền đòi nợ nên đối tượng của hợp đồng phù hợp quy định pháp luật. Mục đích mua bán khoản bán nợ nhằm chuyển quyền sở hữu, chuyển nghĩa vụ của bên bán nợ cho bên mua nợ mà không ảnh hưởng đến quyền lợi của bên nợ là bên vay. Tại khoản 2 Điều 365 của BLDS quy định việc chuyển giao quyền yêu cầu không cần có sự đồng ý của bên có nghĩa vụ. Như vậy thủ tục mua bán nợ có hợp đồng và phụ lục chi tiết kèm theo; được kí bởi người có thẩm quyền nên phát sinh hiệu lực.

[6] Về thay đổi tên gọi: Công ty Cổ phần M đã làm thủ tục đăng kí thay đổi tên gọi thành Công ty Cổ phần J; được Sở tài chính thành phố H chấp nhận từ ngày 05/5/2026 nên xác định lại tên Công ty Cổ phần M thành Công ty Cổ phần J.

[7] Về yêu cầu đòi nợ gốc, lãi trong hạn, quá hạn của nguyên đơn và của người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn và yêu cầu phát mại tài sản thế chấp:

[7.1] Về sự vi phạm: Quá trình trả nợ, anh T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 15/03/2025. Khoản nợ đã chuyển sang quá hạn, nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ với số gốc lãi, phí đến thời điểm khởi kiện là có căn cứ.

[7.2] Về quan hệ mua bán nợ và yêu cầu đòi nợ của bên có quyền: Ngày 28/3/2025 Ngân hàng đã bán một phần nợ của anh T1 cho Công ty Cổ phần M được thể hiện tại Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER ngày 28/3/2025 và Phụ lục kèm theo. Xét đối tượng của hợp đồng là quyền đòi nợ bao gồm nợ gốc, lãi, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh từ hợp đồng tín dụng. Tại Điều 105 quy định tài sản bao gồm quyền tài sản. Tại khoản 2 Điều 450 quy định về mua bán quyền tài sản có đề cập đến quyền tài sản là quyền đòi nợ. Như vậy pháp luật cho phép các bên chuyển giao quyền đòi nợ nên đối tượng của hợp đồng phù hợp quy định pháp luật. Mục đích mua bán khoản bán nợ nhằm chuyển quyền sở hữu, chuyển nghĩa vụ của bên bán nợ cho bên mua nợ mà không ảnh hưởng đến quyền lợi của bên nợ là bên vay. Tại khoản 2 Điều 365 của BLDS quy định việc chuyển giao quyền yêu cầu không cần có sự đồng ý của bên có nghĩa vụ. Như vậy thủ tục mua bán nợ có hợp đồng và phục lục chi tiết kèm theo được kí bởi người có thẩm quyền nên phát sinh hiệu lực; số nợ của từng hợp đồng đã được gộp vào thành tổng nợ chung nên việc Ngân hàng yêu cầu bên vay phải thanh toán tổng số tiền còn thiếu đến ngày 23/6/2026 là 30.133.654 đồng (trong đó: Nợ gốc 17.592.798 đồng, nợ lãi trong hạn 3.365.512 đồng, lãi quá hạn 8.489.333 đồng, lãi chậm trả lãi 686.011 đồng) và Công ty Cổ

phần J yêu cầu anh T1 phải thanh toán tổng số tiền còn thiếu đến ngày 23/6/2026 là 572.539.428 đồng (trong đó: Nợ gốc 334.263.153 đồng, nợ lãi trong hạn 63.944.733 đồng, lãi quá hạn 161.297.328 đồng, lãi chậm trả lãi 13.034.214 đồng) là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với các điều 117, 463 và 466 của BLDS.

[8] Về yêu cầu xử lý phát mại tài sản thế chấp:

[8.1] Để bảo đảm cho khoản vay, anh T1 đã dùng tài sản là 01 xe ô tô BKS 15A-783.60 để thế chấp cho các hợp đồng tín dụng số LN2108304228969 ngày 10/09/2021; Hợp đồng cho vay số LD2218501505 ngày 04/07/2022. Tại Điều 3 của hợp đồng thế chấp các bên thỏa thuận tài sản thế chấp để bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ tiện tại, tương lai của bên vay. Tài sản thế chấp tài sản đảm bảo về hình thức, trình tự, thủ tục, nội dung theo quy định tại các điều 117, 119, 500, 501 và 502 của BLDS; Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định về đăng ký biện pháp bảo đảm; Điều 8, Điều 9 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành BLDS về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER ngày 28/3/2025 và Phụ lục kèm theo các bên không thỏa thuận xử lý tài sản bảo đảm theo tỷ lệ mua bán, không hạn chế quyền yêu cầu phát mại trong trường hợp bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ nào trước. Tại Điều 1 của Hợp đồng mua bán nợ thì ngoài việc bán nợ thì có chuyển giao cả quyền yêu cầu thực hiện biện pháp bảo đảm là tài sản thế chấp. Thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 365 của BLDS đó là "Trường hợp quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ có biện pháp bảo đảm thì việc chuyển giao quyền yêu cầu bao gồm cả biện pháp bảo đảm đó".

[8.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tài sản là xe ô tô BKS 15A-783.60. Phòng C Công an thành phố H cho Tòa án biết tại Phiếu trả lời xác minh ngày 09/4/2026 về tình trạng phương tiện như sau: Chủ xe là anh Lê Bách T1; trạng thái: đang cầm cố, có giấy của Ngân hàng. Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn về phát mại tài sản thế chấp là xe ô tô BKS 15A-783.60 trong trường hợp bên vay không trả được nợ là có căn cứ chấp nhận theo các điều 298, 299, 500 và 502 của BLDS; các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[9] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[10] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tính theo quy định pháp luật đối với từng nghĩa vụ phải thực hiện.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 92, 97, 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 105, 117, 119, 298, 299, khoản 2 Điều 450, Điều 365 của Bộ luật Dân sự; các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ quy định về đăng ký biện pháp bảo đảm; Điều 8, Điều 9 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành BLDS về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; khoản 2 Điều 26 của

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và của Công ty Cổ phần J.

1.1. Anh Lê Bách T1 phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tổng số tiền phát sinh từ hợp đồng tín dụng số LN2108304228969 ngày 10/09/2021; Hợp đồng cho vay số LD2218501505 ngày 04/07/2022 và Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER ngày 28/3/2025 (có Phụ lục kèm theo) tính đến ngày 23/6/2026 là 30.133.654 đồng (trong đó: Nợ gốc 17.592.798 đồng, nợ lãi trong hạn 3.365.512 đồng, lãi quá hạn 8.489.333 đồng, lãi chậm trả lãi 686.011 đồng).

1.2. Anh Lê Bách T1 phải trả Công ty Cổ phần J tổng số tiền theo phát sinh từ hợp đồng tín dụng số LN2108304228969 ngày 10/09/2021; Hợp đồng cho vay số LD2218501505 ngày 04/07/2022 và Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER ngày 28/3/2025 (có Phụ lục kèm theo) tính đến ngày 23/6/2026 là 572.539.428 đồng (trong đó: Nợ gốc 334.263.153 đồng, nợ lãi trong hạn 63.944.733 đồng, lãi quá hạn 161.297.328 đồng, lãi chậm trả lãi 13.034.214 đồng).

- Về yêu cầu phát mại tài sản thế chấp: Trường hợp anh Lê Bách T1 không trả được nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và Công ty Cổ phần J có quyền yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô BKS 15A-783.60. Trường hợp phát mại tài sản trên nhưng chưa đủ để thu hồi nợ thì anh T1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và Công ty Cổ phần J. Trường hợp phát mại tài sản để thu hồi nợ còn thừa thì trả lại cho bên thế chấp.

- Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày 24/6/2026 cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Anh Lê Bách T1 phải nộp 1.507.000 đồng đối với số tiền phải thanh toán trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và 26.902.000 đồng đối với số tiền phải thanh toán trả cho Công ty Cổ phần J. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 669.000 đồng tại biên lai số 2714 ngày 12/3/2026; trả lại Công ty Cổ phần M (nay là Công ty Cổ phần J) số tiền 12.166.000 đồng tại biên lai số 2712 ngày 12/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 2 - Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Dũng